

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và các công chức, viên chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà

QUY ĐỊNH

**Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác
đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức
của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2021)**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị
trí công tác**

1. Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo Quy định này áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ (sau đây viết tắt là đơn vị) làm việc tại một số vị trí liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đã quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực để thực hiện theo quy định của bộ, ngành đó.

3. Trường hợp các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ đã ban hành danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thuộc phạm vi quản lý thì rà soát, điều chỉnh lại cho phù hợp với Quy định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Phương thức thực hiện

1. Chuyển đổi vị trí công tác cùng chuyên môn, nghiệp vụ từ bộ phận này sang bộ phận khác hoặc giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách, quản lý trong đơn vị; giữa các đơn vị trong phạm vi quản lý của Bộ, bảo đảm khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đơn vị.

2. Đối với đơn vị chỉ có một vị trí trong danh mục định kỳ chuyển đổi mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí còn lại của đơn vị đó thì báo cáo người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp lập kế hoạch chuyển đổi chung.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện bằng văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các trường hợp chưa và không thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác

1. Chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác trong các trường hợp sau:
 - a) Đối với người đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật.
 - b) Đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.
 - c) Đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận.
 - d) Người đang đi học tập trung từ 12 tháng trở lên, người đang biệt phái.
 - đ) Phụ nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.
 - e) Nam giới đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi do vợ mất hoặc trong trường hợp khác quan khác.

2. Không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với người có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

Điều 4. Danh mục thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Quản lý ngân sách, tài sản trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
 - a) Phân bổ ngân sách.
 - b) Kế toán.
 - c) Mua sắm công.
2. Trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc
 - a) Thẩm định hồ sơ nhân sự để trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.
 - b) Thẩm định hồ sơ nhân sự để trình cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức.
 - c) Thẩm định hồ sơ nhân sự để trình cấp có thẩm quyền đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
 - d) Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức.
 - đ) Tổ chức thi nâng ngạch công chức; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- e) Thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy.
- g) Thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về biên chế.
- h) Thẩm định các đề án thành lập, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước.
 - i) Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ trong nước.
 - k) Thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền quyết định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.
 - l) Thẩm định hồ sơ người có công.
 - m) Thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức kỷ luật.
 - n) Phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo, bồi dưỡng.
 - o) Quản lý, thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.
 - p) Thẩm định dự án.
 - q) Đấu thầu và quản lý đấu thầu.
 - r) Lập, phân bổ, quản lý kế hoạch vốn.
 - s) Quản lý ODA.
 - t) Tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng thuộc các trường công lập.
 - u) Làm công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng của đơn vị.
 - v) Công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

Điều 5. Thời hạn thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Danh mục thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Điều 4 có thời hạn là 05 năm.

Căn cứ thực tiễn của đơn vị, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí việc làm có thể dưới 05 năm nhưng không được dưới 02 năm và phải báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ căn cứ thời hạn và danh mục vị trí công tác thực hiện định kỳ chuyển đổi theo Quy định này và tình hình thực tế của đơn vị, ban hành kế hoạch việc thực hiện định kỳ chuyển đổi từ bộ phận này sang bộ phận khác hoặc giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách, quản lý trong đơn vị.

2. Vào Quý IV hằng năm, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung kế hoạch để thực hiện trong năm tiếp theo (sau khi có ý kiến của Lãnh đạo Bộ phụ trách).

Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

3. Sau khi ban hành kế hoạch thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của đơn vị, các đơn vị báo cáo Bộ trưởng và Thứ trưởng phụ trách, đồng thời gửi Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp chung.

4. Trước ngày 30/11 hằng năm, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ gửi báo cáo về Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ (nếu có), hoặc thuộc trường hợp tại Khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.

5. Trong quá trình thực hiện, khi có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ bằng văn bản để xem xét, xử lý (đồng thời gửi Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp, tham mưu lãnh đạo Bộ)./.